

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B4**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD03018**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Cài đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030455	Ngô Huỳnh Anh	15/08/2009				8	8.0	8.0	9.0	8.0			7.5		7.8
2	2454802030456	Nguyễn Thị Lan Anh	13/05/2009				9	9.0	9.0	9.0	9.0			6.0		7.2
3	2454802030457	Đặng Phước Bảo	22/09/2009				7	8.0	8.0	8.0	8.0			0.0		3.2
4	2454802030458	Nguyễn Văn Bi	20/03/2009				8	8.0	8.0	7.0	8.0			0.0		3.1
5	2454802030460	Hà Minh Duy	11/09/2009				9	9.0	8.0	9.0	9.0			7.5		8.0
6	2454802030461	Trần Bảo Duy	10/08/2009				8	8.0	8.0	8.0	8.0			7.5		7.7
7	2454802030462	Hồ Hải Đăng	03/07/2009				9	8.0	8.0	8.0	8.0			8.0		8.0
8	2454802030463	Nguyễn Nhất Đô	22/11/2009				8	8.0	8.0	8.0	8.0			7.0		7.4
9	2454802030464	Vũ Phan Minh Đức	31/03/2009				7	8.0	8.0	8.0	8.0			7.0		7.4
10	2454802030465	Lê Thị Ngọc Huyền	14/10/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0			CT		0.0
11	2454802030466	Phú Văn Kha	18/03/2009				8	8.0	7.0	8.0	8.0			7.0		7.3
12	2454802030468	Châu Quang Kiệt	15/10/2009				8	8.0	9.0	8.0	8.0			6.5		7.2
13	2454802030469	Hoa Thị Hồng Lan	23/09/2009				9	8.0	9.0	9.0	8.0			8.0		8.2
14	2454802030470	Nguyễn Thanh Luân	08/10/2008				8	9.0	8.0	8.0	9.0			8.0		8.2
15	2454802030471	Nguyễn Xuân Nam	04/02/2008				8	7.0	8.0	9.0	7.0			7.5		7.6
16	2454802030472	Nguyễn Đông Nghi	04/05/2009				9	8.0	8.0	9.0	8.0			7.5		7.8
17	2454802030473	Đinh Bảo Nghĩa	12/11/2009				8	8.0	9.0	8.0	8.0			7.5		7.8
18	2454802030474	Lê Trọng Nghĩa	17/10/2009				9	9.0	8.0	8.0	9.0			8.0		8.2
19	2454802030476	Đỗ Thành Phát	19/01/2009				8	7.0	8.0	8.0	7.0			0.0		3.0
20	2454802030477	Phạm Thế Phong	27/04/2009				8	8.0	8.0	9.0	8.0			0.0		3.3
21	2454802030478	Võ Hoài Phong	07/06/2009				9	9.0	7.0	7.0	9.0			8.0		8.0
22	2454802030479	Dương Hoài Phú	19/07/2009				8	8.0	8.0	9.0	8.0			8.0		8.1
23	2454802030480	Lữ Thiên Phú	17/07/2009				8	8.0	8.0	9.0	8.0			8.0		8.1
24	2454802030481	Nguyễn Thị Kim Thanh	08/01/2009				9	9.0	9.0	8.0	9.0			8.0		8.3
25	2454802030483	Trần Văn Thuận	07/06/2009				8	9.0	8.0	8.0	9.0			8.0		8.2
26	2454802030485	Danh Thị Thu Thủy	08/12/2009				8	9.0	9.0	8.0	9.0			8.0		8.3
27	2454802030486	Võ Thị Kim Tiền	02/09/2009				8	9.0	8.0	9.0	9.0			7.0		7.7
28	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ Trang	27/10/2009				8	9.0	9.0	8.0	9.0			8.0		8.3
29	2454802030488	Nguyễn Công Trí	17/02/2009				9	8.0	8.0	7.0	8.0			8.0		8.0
30	2454802030489	Trần Thùy Trinh	27/03/2009				8	8.0	8.0	8.0	8.0			8.0		8.0
31	2454802030490	Đỗ Hồng Trúc	14/03/2009				9	8.0	9.0	9.0	8.0			8.0		8.2
32	2454802030491	Thái Phú Vinh	07/07/2009				8	9.0	8.0	8.0	9.0			8.0		8.2
33	2454802030492	Huỳnh Thị Tường Vy	18/04/2009				9	8.0	9.0	9.0	8.0			7.5		7.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Thành Luân